

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2020

V/v: “Ly hôn giữa anh T
và chị Th”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**

2. Ông **Huỳnh Thanh Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, TP.Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 1998 (xin XX vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Do quen biết nhau, yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ gia đình hai bên nên vào năm 2016 anh và chị Nguyễn Ngọc Th cưới nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống cũng khác. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Đến tháng 02/2019, mâu thuẫn trở nên trầm

trọng nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc, không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Th.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Văn Tính (nam), sinh ngày 15/11/2017. Hiện do anh nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Th trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Văn T về việc kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân gây mâu thuẫn, thời gian ly thân. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị, chị cũng thống nhất vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc, không đem lại hạnh phúc cho cả hai.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Văn Tính (nam), sinh ngày 15/11/2017. Hiện do anh T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện chị Nguyễn Ngọc Th có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu được ly hôn với chị Th và nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, chị Nguyễn Ngọc Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Ngọc Th cưới nhau vào năm 2016. Trong thời kỳ hôn nhân, giữa anh T và chị Th xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Th, chị

Th cũng đồng ý ly hôn với anh T. Điều này, lẽ ra nên công nhận, nhưng do hôn nhân giữa anh T và chị Th không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, không thể công nhận sự thỏa thuận này theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh T và chị Th là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Ngọc Th đều thống nhất giao con chung tên Nguyễn Văn Tính cho anh T nuôi dưỡng và anh T có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cho nên, Hội đồng xét xử giao cháu Tính cho anh T nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng và chị Th cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Ngọc Th.

1.1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Ngọc Th.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn Tính (nam), sinh ngày 15/11/2017 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho chị Nguyễn Ngọc Th, không ai được phép cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai số 012884 ngày 11 tháng 12 năm 2019 thành án phí.

3. Tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phú,
- xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang